

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2021/HS-PT

Ngày: 25/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Văn Lê

2. Ông Đặng Hồng Sơn

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 159/2021/HS-PT ngày 29/4/2021 đối với bị cáo Lê Văn A theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2394/2021/QĐXXPT-HS ngày 02/6/2021, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 73/2021/HSST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Văn A**, giới tính: nam; sinh ngày 26/10/1994 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú: Thôn 6, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: phường D, thành phố E, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: (không); con ông Lê Văn G và bà Đặng Thị H;

Tiền án:

-Ngày 07/3/2011, có hành vi cướp giật tài sản của người khác, ngày 20/9/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố E, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (bản án số 177/2011/HSST);

-Ngày 05/10/2013, có hành vi cướp giật tài sản, 19/3/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố E, tỉnh Bà Rịa - E xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (bản án số 52/2014/HSST), chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 05/01/2018;

Tiền sự: (không).

Bắt giữ: 21/4/2020;

Tạm giam: 22/4/2020;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 21/4/2020, Lê Văn A điều khiển xe mô-tô Honda Vario mang biển số 72C2-266.54 đi đến bến phà Cát Lái, phường Cát Lái, Quận 2, với mục đích đi qua huyện Nhơn Trạch để về nơi ở của bị cáo ở thành phố E. Khi đến chốt phòng chống dịch Covid-19 đặt tại cổng bến phà, thì tổ công tác phòng chống dịch Covid-19 ra tín hiệu cho A dừng xe, không cho đi xuống phà vì đã hết giờ cho xe mô-tô qua phà theo Chỉ thị số 16 ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giãn cách xã hội. A không chấp hành và có hành vi gây mất trật tự công cộng nên tổ công tác đã điện báo Công an phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 đến giải quyết. Nhận được tin báo, Công an phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 phân công anh Đỗ Thế K là Cảnh sát khu vực và anh Đặng Ngọc L là bảo vệ dân phố, mặc sắc phục và đi xe chuyên dụng của Công an đến bến phà để giải quyết. Khi đến nơi, anh K yêu cầu A xuất trình giấy tờ tùy thân nhưng A chỉ đưa Chứng minh nhân dân cho anh K xem rồi cất vào bóp và bỏ vào túi quần phía sau, rồi đòi phải giải quyết cho A qua phà. Do không được đáp ứng yêu cầu nên A dựng xe máy rồi bước xuống. Lúc này, anh L dùng tay cầm tay lái xe mô-tô của A thì A tiến đến sát người anh L, cự cãi, thách thức. Thấy vậy, anh K đến khuyên nhủ can ngăn. A dùng hai tay nắm lấy tay trái của anh K, anh K yêu cầu A bỏ tay ra nhưng A không bỏ. Khi thấy anh L đi đến gần anh K, A bỏ tay anh K ra rồi dùng chân đá về phía anh L thì bị tổ công tác không chế bắt giữ, đưa về trụ sở Công an phường Cát Lái để xử lý.

Tại Công an phường Cát Lái, lực lượng công an tiến hành kiểm tra thì phát hiện trong túi quần sau bên phải của A có 16 gói nylon hàn kín, bên trong chứa tinh thể không màu, A khai là ma túy.

Lực lượng công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ của A: 16 túi nylon đã nêu; 01 xe mô-tô hiệu Vario biển số 72C2-266.54; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng trắng; 01 điện thoại hiệu Samsung màu trắng.

Qua tiến hành xét nghiệm ma túy nhanh đối với A, có kết quả là A dương tính với Methamphetamine và Amphetamin.

Theo Bản kết luận giám định số 674/KLGD-H ngày 27/4/2020, của Phòng Kỹ thuật Hình sự – Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì tinh thể không màu trong 16 gói nylon thu giữ của A (như đã nêu ở phần trên) là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, khối lượng 7,8895g (khối lượng còn lại sau giám định 7,5235g)(bl.42).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, A khai nhận như sau: Ngày 21/4/2020, A đến phòng trọ của O tại Quận 1 (không nhớ địa chỉ) để sử dụng ma túy đá với O. Sau đó, O cho A số ma túy còn lại để sử dụng. A cất giấu ma túy trong túi quần sau bên phải và điều khiển xe mô-tô đi về nhà ở E. Khi đến bến phà Cát Lái, vì không biết đã hết giờ qua phà nên bị cáo đã có hành vi chống người thi hành công vụ.

- 01 xe mô-tô Honda Vario biển số 72C2-266.54 qua xác minh do bà Đào Thị Hồng L đứng tên chủ sở hữu, bà L đứng tên giúp cho bà Đặng Thị H là mẹ ruột của A. A lấy xe đi bà H không biết, nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà Định là có căn cứ.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng trắng; 01 điện thoại hiệu Samsung màu trắng. Qua kiểm tra không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Đặng Thị H theo yêu cầu của A là có căn cứ.

Tại bản Cáo trạng số 105/CT-VKSQ2 ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức) đã truy tố bị cáo Lê Văn A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chống người thi hành công vụ” theo điểm g, o khoản 2 Điều 249 và điểm đ khoản 2 Điều 330 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2021/HSST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chống người thi hành công vụ”.

Áp dụng điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm đ khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Văn A 08 (tám) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2020.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và các đương sự.

Ngày 23/3/2021, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không nêu lý do.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau: Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Chống người thi hành công vụ” là đúng quy định. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là tương xứng với tính chất mức độ vi phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát hiện bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng:

Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 21/4/2020, ở tại bến phà Cát Lái, phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Văn A điều khiển xe mô-tô Honda Vario mang biển số 72C2-266.54 đi đến bến phà Cát Lái, phường Cát Lái, Quận 2, với mục đích đi qua phà để về thành phố E. Khi đến chốt phòng chống dịch Covid-19 đặt tại cổng bến phà thì Tổ công tác phòng chống dịch Covid-19 ra tín hiệu cho A dừng xe, không cho xuống phà vì đã hết giờ cho xe mô-tô qua phà theo Chỉ thị số 16 ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về giãn cách xã hội. A không chấp hành và có hành vi gây mất trật tự công cộng nên Tổ công tác đã điện báo Công an phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 đến giải quyết. Nhận được tin báo, Công an phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 phân công anh Đỗ Thế K là Cảnh sát khu vực và anh Đặng Ngọc L là bảo vệ dân phố, mặc sắc phục và đi xe chuyên dụng của Công an đến bến phà để giải quyết. Khi đến nơi, anh K yêu cầu A xuất trình giấy tờ tùy thân nhưng A chỉ đưa Chứng minh nhân dân cho anh K xem rồi cất vào bóp và bỏ vào túi quần phía sau, rồi đòi phải giải quyết cho A qua phà. Do không được đáp ứng yêu cầu nên A dựng xe máy rồi bước xuống xe. Lúc này, anh L dùng tay cầm tay lái xe mô-tô của A thì A tiến đến sát người anh L, cự cãi, thách thức. Thấy vậy, anh K đến khuyên nhủ can ngăn. A dùng hai tay nắm lấy tay trái của anh K, anh K yêu cầu A bỏ tay ra nhưng A không bỏ. Khi thấy anh L đi đến gần anh K thì A bỏ tay anh K ra rồi dùng chân

đá về phía anh L. Ngay sau đó, A bị Tổ công tác không chế bắt giữ, đưa về trụ sở Công an phường Cát Lái để xử lý.

[2].Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây nguy hại đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia; xâm phạm hoạt động của Nhà nước trong việc quản lý và kiểm soát các chất ma túy; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm, nhưng do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, muốn thỏa mãn ham muốn cá nhân không chính đáng, bị cáo vẫn cố ý vi phạm.

[3].Bị cáo là người có nhân thân không tốt: ngày 20/9/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố E, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, là tội phạm “rất nghiêm trọng”; sau đó, vẫn tiếp tục phạm tội nên ngày 19/3/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố E, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 05 năm 06 tháng tù cũng về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c và d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, tương ứng với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” và “dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt của bản án vừa nêu vào ngày 05/01/2018. Trong khi án tích vừa nêu chưa được xóa, bị cáo lại tiếp tục phạm thêm 2 tội mới, trong đó có tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là tội “rất nghiêm trọng”. Căn cứ theo khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo trong lần này được xác định thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”.

[4].Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g và o khoản 2 Điều 249; điểm đ khoản 2 Điều 330 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo theo tội danh, điều khoản như đã nêu là đúng pháp luật. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ.

[5].Về kháng cáo của bị cáo:

Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là tương xứng với tình chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với tội “Chống người thi hành công vụ” là mức án nhẹ nhất trong khung hình phạt. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, không phát hiện bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Vì các lý do đã nêu, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[6].Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn A; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 73/2021/HSST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm g, o khoản 2 Điều 249; điểm đ khoản 2 Điều 330; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Lê Văn A** 08 (tám) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; tổng hợp hình phạt của cả hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2020.

2. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND Thành phố Thủ Đức; | (1) |
| - PC53 - CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Dương sự: | (2) |
| - Chi Cục THA Thành phố Thủ Đức; | (1) |
| - TAND Thành phố Thủ Đức; | (2) |
| - Công an Thành phố Thủ Đức; | (1) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). | (4) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân